

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11/4/2024

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Chung Thị Ngọc.
- Bà Trần Thị An.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2024 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số B, đường H, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1986. Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lữ Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Trung D chung sống vào năm 2021, đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn có được UBND phường P, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/12/2022. Trong cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông D nghi ngờ ghen tuông vô cớ, thường dùng những lời lẽ khó nghe xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà, bà có tha thứ nhưng ông D vẫn không thay đổi nên ngày 20/8/2023 bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không còn chung sống cùng ông D từ đó cho đến nay. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung D có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai ngày 19/3/2024, ông D trình bày: Ông và bà Lữ Thị H chung sống có giấy chứng nhận kết hôn. Ông bà chung sống nhưng chồng cũ của bà H thường xuyên chửi bới và bà H chung sống qua lại giữa ông và chồng cũ nên ông không thể chấp nhận được, ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Trung D cư trú tại Khu phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lữ Thị H, bị đơn ông Nguyễn Trung D có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Lữ Thị H và ông Nguyễn Trung D chung sống vào năm 2021, có đăng ký kết hôn được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/12/2022. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H, ông D đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của bà H, ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình thụ lý giải quyết bà H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn với ông D; Tại bản tự khai ngày 19/3/2024 ông D cũng thống nhất ly hôn nhưng ông D có đơn xin vắng mặt, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D.

[4] Về con chung: bà H trình bày quá trình chung sống không có con chung, ông D không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông D thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lữ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trung D.

- Con chung: bà H trình bày quá trình chung sống không có con chung, ông D không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông D thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lữ Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0001666 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà Hạnh không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành